

Số: 160 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chấp hành các quy định pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Quyết định số 270/QĐ-TTr ngày 11/5/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBOXH) về thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chấp hành các quy định pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội (sau đây viết tắt là TGXH) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, từ ngày 23/5/2022 đến ngày 10/6/2022, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 270/QĐ-TTr nêu trên đã tiến hành thanh tra tại Sở LĐTBOXH tỉnh Khánh Hòa; Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã Ninh Hòa; UBND phường Ninh Giang và UBND xã Ninh Phụng thuộc thị xã Ninh Hòa; Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội Ninh Hòa; Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào; Làng Trẻ em SOS Nha Trang. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/5/2022.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 17/6/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra Bộ LĐTBOXH kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Khánh Hòa là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có vị trí địa lý nằm trên các trục giao thông quốc gia quan trọng cả về đường sắt, đường bộ, đường thủy và hàng không; dân số (năm 2021) là 1.272.154 người; có 36 dân tộc, 09 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 02 thành phố trực thuộc tỉnh (Nha Trang và Cam Ranh), 01 thị xã (Ninh Hòa) và 06 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Lâm và huyện đảo Trường Sa) với 138 đơn vị hành chính cấp xã. Trong thời gian qua, lãnh đạo, chính quyền địa phương đã chú trọng, quan tâm đến công tác TGXH. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 quy định mức TGXH trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (300.000 đồng) cao hơn mức chuẩn tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ (270.000 đồng).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án về TGXH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Tại Sở LĐTBOXH

- Thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án của Thủ tướng Chính phủ về chính sách TGXH, Sở LĐTBOXH đã tham mưu UBND tỉnh

ban hành 07 văn bản về chỉ đạo triển khai, thực hiện; Sở LĐTBXH ban hành 05 văn bản tổ chức thực hiện (*chi tiết tại mục I, mục II Phụ lục số 01 kèm theo*).

- Tại thời điểm thanh tra, Sở LĐTBXH đang nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng nghị quyết về mức chuẩn trợ TGXH, mức trợ cấp xã hội và mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là BTXH) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét ban hành theo Thông báo số 17/TB-HĐND ngày 18/5/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Tại UBND thị xã Ninh Hòa

Để triển khai các quy định của pháp luật về chính sách TGXH và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa, văn bản hướng dẫn của Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa, UBND thị xã Ninh Hòa đã ban hành 16 văn bản và Phòng LĐTBXH thị xã Ninh Hòa ban hành 17 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chuyên môn, đơn vị cấp xã, phường triển khai thực hiện công tác TGXH trên địa bàn thị xã (*chi tiết tại mục III, mục IV Phụ lục số 01 kèm theo*).

1.3. Tại UBND phường Ninh Giang và UBND xã Ninh Phụng (sau đây gọi là 02 đơn vị cấp xã được thanh tra)

Thực hiện chính sách, pháp luật về TGXH, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở LĐTBXH, UBND thị xã và Phòng LĐTBXH thị xã Ninh Hòa, UBND cấp xã đã ban hành văn bản và triển khai, thực hiện chính sách TGXH.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến

2.1. Tại Sở LĐTBXH

- Năm 2020, in 492 bộ tài liệu nghiệp vụ chính sách TGXH và tài liệu hỏi, đáp pháp luật về chính sách TGXH, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, cấp phát cho các đơn vị cấp huyện, cấp xã và cơ sở TGXH, tổng số tiền 16.728.000 đồng; treo 600 băng rôn và 08 pano tuyên truyền Ngày công tác xã hội Việt Nam 25/3, Ngày Người khuyết tật Việt Nam 18/4, Ngày Người cao tuổi Việt Nam 06/6, Ngày quốc tế người khuyết tật 03/12 với tổng số tiền 190.450.000 đồng.

- Năm 2021: treo 460 băng rôn và 04 pano tuyên truyền Ngày công tác xã hội Việt Nam 25/3, Ngày Người khuyết tật Việt Nam 18/4, Ngày Người cao tuổi Việt Nam 06/6, tổng số tiền 105.520.000 đồng.

- Năm 2022: treo 132 băng rôn và 01 pano tuyên truyền Ngày công tác xã hội Việt Nam 25/3, tổng số tiền 35.937.000 đồng.

- Đăng 03 tin trên website của Sở LĐTBXH với nội dung: công tác tiếp nhận đối tượng bảo vệ khẩn cấp tại Trung tâm BTXH Khánh Hòa (năm 2021); kiểm tra, giám sát công tác TGXH dịp Tết nguyên đán; Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa thăm và tặng quà các đối tượng tại cơ sở TGXH (năm 2022).

2.2. Tại thị xã Ninh Hòa

- UBND thị xã tuyên truyền, phổ biến chính sách về TGXH thông qua hệ thống đài truyền thanh; lồng ghép trong các buổi giao ban định kỳ hằng quý và các đợt kiểm tra chuyên đề của Phòng LĐTĐBXH.

- Năm 2022, treo 86 băng rôn tuyên truyền kỷ niệm Ngày Người khuyết tật Việt Nam tại các trục đường chính trung tâm thị xã, số tiền 11.000.000 đồng.

2.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

UBND cấp xã thực hiện tuyên truyền bằng hình thức đưa tin, bài giới thiệu chính sách mới TGXH qua đài truyền thanh, lồng ghép trong cuộc họp của các tổ chức đoàn thể, của thôn.

3. Công tác tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ

3.1. Tại Sở LĐTBXH

- Năm 2020, do đại dịch Covid-19 bùng phát, Sở LĐTBXH không dự toán kinh phí tập huấn công tác TGXH.

- Năm 2021, kinh phí tập huấn về công tác TGXH 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Sở LĐTBXH không tổ chức được và đã trả lại ngân sách nhà nước số tiền 45.000.000 đồng.

- Năm 2022, kinh phí tập huấn về công tác TGXH 100.000.000 đồng. Tại thời điểm thanh tra, Sở LĐTBXH chưa tổ chức tập huấn.

3.2. Tại thị xã Ninh Hòa

- Năm 2020, UBND thị xã tổ chức 02 lớp tập huấn cho 295 người là thành viên hội đồng xét duyệt TGXH và cộng tác viên CTXH cấp xã, số tiền 27.520.000 đồng. Nội dung chi tài liệu, giảng viên, nước uống cho đại biểu, tiền hỗ trợ đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Đã phối hợp với Trung tâm phục hồi chức năng - Giáo dục trẻ em khuyết tật tỉnh Khánh Hòa (đơn vị chủ trì) tổ chức tập huấn chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho 65 người là cán bộ của Trung tâm Y tế thị xã, trạm y tế cấp xã, cán bộ phụ trách công tác trẻ em của thị xã, các xã, phường và người thân của trẻ khuyết tật vận động.

- Chưa thực hiện đào tạo nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH.

3.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

Chưa thực hiện đào tạo nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra

4.1. Tại Sở LĐTBXH

- Năm 2020, thực hiện 01 cuộc kiểm tra đối với 16 cơ sở TGXH, ban hành 07 kiến nghị. Các cơ sở đã khắc phục các kiến nghị.

- Năm 2022, thực hiện 01 cuộc thanh tra hành chính tại Trung tâm BTXH Khánh Hòa, ban hành 04 kiến nghị về thực hiện chính sách TGXH, đang trong thời gian thực hiện kết luận.

4.2. Tại thị xã Ninh Hòa

- Năm 2020, UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 về việc thành lập đoàn kiểm tra công tác TGXH trên địa bàn thị xã Ninh Hòa. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19 bùng phát nên đã triển khai cho các xã, phường xây dựng kế hoạch và tự kiểm tra.

- Năm 2021, Phòng LĐTBXH kiểm tra việc thực hiện chính sách TGXH tại xã Ninh Xuân và xã Ninh An.

5. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị

5.1. Tại Sở LĐTBXH

Đã tiếp nhận và xử lý 09 đơn (năm 2020: 04 đơn; năm 2021: 05 đơn), trong đó: 04 đơn thuộc thẩm quyền, Sở LĐTBXH đã có văn bản trả lời (03 đơn hỏi về chính sách TGXH; 01 đơn đề nghị tiếp nhận vào cơ sở TGXH); 05 đơn không thuộc thẩm quyền được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết (01 đơn tố cáo; 01 đơn khiếu nại; 02 đơn đề nghị TGXH khẩn cấp, xác định mức độ khuyết tật).

5.2. Tại thị xã Ninh Hòa

Đã tiếp nhận và xử lý 02 đơn hỏi về chế độ, chính sách BTXH (năm 2020: 01 đơn hỏi về chế độ người khuyết tật; năm 2021: 01 đơn hỏi về chế độ người đơn thân đang nuôi con), đã được UBND thị xã trả lời; không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo.

5.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

Không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị về lĩnh vực TGXH.

II. Tổ chức thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH

1. Hệ thống cơ sở TGXH

1.1. Các cơ sở TGXH

- Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, 17 cơ sở TGXH (05 cơ sở công lập; 12 cơ sở ngoài công lập) và Làng Trẻ em SOS Nha Trang được thành lập, đang chăm sóc, nuôi dưỡng 866 đối tượng BTXH và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

- 02/17 cơ sở TGXH đã được cấp giấy phép hoạt động (Cơ sở TGXH Phước Tường, Cơ sở BTXH ngoài công lập Thiện Tâm); 15/17 cơ sở TGXH chưa được rà soát, cấp giấy phép hoạt động (*chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

1.2. Tại Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội Ninh Hòa (sau đây gọi là Trung tâm)

a) Chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình hoạt động: cơ sở công lập, trực thuộc Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa; Quyết định thành lập số 1370/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Chức năng, nhiệm vụ: tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy văn hóa cho các đối tượng BTXH được tiếp nhận vào Trung tâm; cung cấp các dịch vụ CTXH cho đối tượng tại Trung tâm và đối tượng có nhu cầu tại cộng đồng.

b) Vị trí và cơ sở vật chất

Trung tâm đã đảm bảo các điều kiện về môi trường và vị trí, khuôn viên, khu nhà bếp, khu vui chơi giải trí, phòng học, nhà vệ sinh, phòng sinh hoạt chung; tuy nhiên, diện tích phòng ở của đối tượng trẻ em chưa đảm bảo bình quân tối thiểu 6m²/đối tượng (10 người/phòng 30m², bình quân 3m²/người).

c) Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, nhân viên

- Ban Giám đốc (Giám đốc và 01 Phó Giám đốc) và 03 phòng chuyên môn (Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nuôi dưỡng; Phòng Công tác xã hội).

- Tổng số viên chức, người lao động là 20 người, trong đó: 14 nữ và 06 nam; 14 viên chức và 06 hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

- Đã trả các khoản tiền lương, tiền công, phụ cấp cho viên chức, người lao động.

- Nội dung hợp đồng lao động ký kết với người lao động chưa thể hiện cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: nội dung tiền thưởng, chế độ nâng lương, trang bị bảo hộ lao động, chế độ đào tạo, chế độ nghỉ ngơi, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ghi "theo quy định"; chưa xây dựng thang lương, bảng lương.

d) Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dừng chăm sóc, nuôi dưỡng

- Công tác quản lý đối tượng BTXH:

+ Tại thời điểm ngày 26/5/2022, tổng số đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm là 45 người, trong đó: trẻ em mồ côi 05 người; trẻ em khuyết tật 15 người; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi là 18 người (mồ côi 02 người; khuyết tật 16 người); người cao tuổi: 06 người; 01 trẻ em được bảo vệ khẩn cấp.

+ Đã cập nhật đầy đủ thông tin đối tượng trên hệ thống thông tin quản lý cơ sở TGXH.

+ Năm 2022, có 02 đối tượng bỏ trốn là trẻ em lang thang được bảo vệ khẩn cấp (em Đinh Hoàng Thiên Phước, sinh năm 2007 và em Nguyễn Ngọc Bảo, sinh

năm 2010), Trung tâm đã ban hành kế hoạch về việc tìm kiếm đối tượng, sau thời gian tìm kiếm không được, ban hành quyết định dừng trợ cấp xã hội.

- Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dừng chăm sóc, nuôi dưỡng: đã lập hồ sơ đầy đủ giấy tờ, thủ tục được thực hiện cơ bản theo quy định pháp luật.

- 06 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng được Trung tâm cho về thăm gia đình: em Nguyễn Quang Thiện, thời gian về gia đình từ tháng 7/2021 đến tháng 4/2022 (10 tháng); em Nguyễn Trần Quỳnh Anh, thời gian về gia đình từ tháng 7/2021 đến tháng 01/2022 (07 tháng); em Vòng Thiên Vũ, thời gian về gia đình từ tháng 6/2021 đến tháng 01/2022 và từ tháng 3/2022 đến tháng 4/2022 (10 tháng); em Nguyễn Thảo Vy, thời gian về gia đình từ tháng 7/2021 đến tháng 03/2022 (09 tháng); em Trần Thanh Huy, thời gian về gia đình từ tháng 7/2021 đến tháng 03/2022 (09 tháng); em Lương Quang Trường, thời gian về gia đình từ tháng 7/2021 đến tháng 02/2022 (08 tháng). Hồ sơ có đơn xin phép của thân nhân (mẹ đối tượng) và được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt (lý do: về thăm gia đình hoặc gia đình có việc); biên bản bàn giao đối tượng cho gia đình; biên bản nhận đối tượng trở lại Trung tâm.

- 30 đối tượng khuyết tật đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm:

+ Phòng LĐTBXH thị xã Ninh Hòa thẩm định hồ sơ đối với 26 trường hợp thuộc địa bàn thị xã Ninh Hòa, Phòng LĐTBXH huyện Vạn Ninh thẩm định hồ sơ đối với 04 trường hợp thuộc địa bàn huyện Vạn Ninh và đã trình Chủ tịch UBND cấp huyện có văn bản đề nghị Giám đốc Sở LĐTBXH hoặc Giám đốc Trung tâm tiếp nhận đối tượng vào Trung tâm.

+ Kiểm tra hồ sơ quản lý đối tượng tại Trung tâm: 02/30 trường hợp là đối tượng khuyết tật nặng và 28/30 trường hợp khuyết tật đặc biệt nặng; 30 trường hợp có bố, mẹ hoặc có bố hoặc có mẹ đang sống tại cộng đồng.

+ Xác minh trực tiếp thân nhân của 07 đối tượng, kết quả: đối tượng có cả bố và mẹ hoặc chỉ có mẹ hoặc có bố đang làm việc và sống tại địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

- 02 trường hợp được Trung tâm ban hành các quyết định chăm sóc, nuôi dưỡng khẩn cấp nhiều lần (quá 03 tháng):

+ Bà Phan Thị Tư, sinh năm 1927, trú tại thôn Phú Đa, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đối tượng lang thang được tiếp nhận theo Quyết định số 53/QĐ-BTXHNH ngày 10/5/2019 với thời gian nuôi dưỡng 30 ngày; Quyết định số 69/QĐ-BTXHNH ngày 12/6/2019 với thời gian nuôi dưỡng 60 ngày; Quyết định số 84/QĐ-BTXHNH ngày 09/8/2019 với thời gian nuôi dưỡng 30 ngày; Quyết định số 103/QĐ-BTXHNH ngày 24/9/2019 với thời gian nuôi dưỡng 60 ngày; Quyết định số 134/QĐ-BTXHNH ngày 06/12/2019 với thời gian nuôi dưỡng 90 ngày; Quyết định số 10/QĐ-BTXHNH ngày 07/02/2020 với thời gian nuôi dưỡng 90 ngày. Sau đó, bà Phan Thị Tư được xác định khuyết tật đặc

biệt nặng và nuôi dưỡng lâu dài theo Quyết định số 27/QĐ-BTXHNNH ngày 14/4/2020.

+ Ông Bùi Quang Hoa, sinh năm 1960, đối tượng lang thang được tiếp nhận theo Quyết định số 52/QĐ-BTXHNNH ngày 12/5/2021 với thời gian nuôi dưỡng 10 ngày để thực hiện thủ tục; Quyết định số 53/QĐ-BTXHNNH ngày 21/5/2021 với thời gian nuôi dưỡng 60 ngày; Quyết định số 122/QĐ-BTXHNNH ngày 21/7/2021 với thời gian nuôi dưỡng 20 ngày; Quyết định số 124/QĐ-BTXHNNH ngày 09/8/2021 với thời gian nuôi dưỡng 90 ngày; Quyết định số 152/QĐ-BTXHNNH ngày 08/11/2021 với thời gian nuôi dưỡng 90 ngày; Quyết định số 05/QĐ-BTXHNNH ngày 26/01/2022 với thời gian nuôi dưỡng 90 ngày. Sau đó, ông Bùi Quang Hoa được tiếp nhận nuôi dưỡng lâu dài tại Quyết định số 31/QĐ-BTXHNNH ngày 10/5/2022 của Trung tâm theo chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa (Công văn số 3846/UBND-KGVX ngày 29/4/2022).

đ) Thực hiện chính sách TGXH

- Đã thực hiện quy trình TGXH đối với các đối tượng theo quy định.

- Đã thực hiện nuôi dưỡng; chăm sóc sức khỏe; học văn hóa; thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí cho đối tượng theo quy định.

e) Về tài chính

- Kinh phí được giao 9.485.139.000 đồng (năm 2020: 3.075.000.000 đồng; năm 2021: 2.908.139.000 đồng; năm 2022: 3.502.000.000 đồng); kinh phí đã sử dụng 6.508.011.784 đồng (năm 2020: 2.929.521.501 đồng; năm 2021: 2.959.561.297 đồng; năm 2022: 618.928.986 đồng). Sở LĐTBXH đã duyệt quyết toán năm 2020 và năm 2021.

- Đã ban hành quy chế hoạt động; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn quỹ từ thiện.

1.3. Tại Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào (sau đây gọi là Cơ sở)

a) Chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình hoạt động: ngoài công lập, do UBND thị xã Ninh Hòa quản lý; Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 17/01/2011 của UBND thị xã Ninh Hòa về việc thành lập cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào và Quyết định số 8221/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND thị xã Ninh Hòa về việc bổ sung Quyết định số 150/QĐ-UBND.

- Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt khó khăn, không thể tự lo được cuộc sống.

- Phạm vi hoạt động: tại Điều 1 Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 17/01/2011 quy định Cơ sở “hoạt động trên phạm vi thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa”, tuy nhiên, tại thời điểm thanh tra, Cơ sở đang chăm sóc, nuôi dưỡng đối với 10 đối tượng ngoài phạm vi hoạt động, trong đó 07 trường hợp ngoài thị xã Ninh Hòa thuộc tỉnh Khánh Hòa; 03 trường hợp ngoài tỉnh Khánh Hòa.

b) Vị trí và cơ sở vật chất

Cơ sở đảm bảo các điều kiện về môi trường và vị trí, khuôn viên, cơ sở vật chất: khu nhà ở, khu nhà bếp, khu vui chơi giải trí, phòng học, nhà vệ sinh, phòng sinh hoạt chung.

c) Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, nhân viên

- Tổng số cán bộ, nhân viên là 15 người, trong đó Giám đốc và 14 hợp đồng lao động không xác định thời hạn; 13 nữ và 02 nam.

- Đã trả tiền lương, tiền công cho người lao động.

- Nội dung hợp đồng lao động ký kết với người lao động chưa thể hiện cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên, cụ thể: chế độ nâng lương, tiền thưởng, chế độ nghỉ ngơi, chế độ đào tạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ghi "theo quy định"; chưa xây dựng thang lương, bảng lương.

d) Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dừng chăm sóc, nuôi dưỡng

- Công tác quản lý đối tượng BTXH:

+ Tại thời điểm ngày 06/6/2022, tổng số đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Cơ sở là 59 người, trong đó: 18 trẻ em là đối tượng BTXH đủ điều kiện sống tại cơ sở TGXH (14 trẻ bị bỏ rơi; 04 trẻ khuyết tật đặc biệt nặng), 41 trẻ em là đối tượng tự nguyện (có hoàn cảnh khó khăn).

+ Đã cập nhật thông tin đối tượng trên hệ thống thông tin quản lý cơ sở TGXH.

- Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dừng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng:

+ Đối với nhóm đối tượng BTXH: đối tượng đủ điều kiện được tiếp nhận vào cơ sở TGXH nhưng hồ sơ, thủ tục tiếp nhận đối tượng vào Cơ sở thực hiện theo diện đối tượng tại cộng đồng.

+ Đối với nhóm đối tượng tự nguyện: hồ sơ tiếp nhận có đơn đề nghị được tiếp nhận vào cơ sở TGXH (xác nhận của chính quyền địa phương); sơ yếu lý lịch của đối tượng và bản sao giấy khai sinh; hợp đồng cung cấp dịch vụ TGXH; quyết định tiếp nhận đối tượng; biên bản tiếp nhận đối tượng.

+ Hồ sơ dừng nuôi dưỡng đối tượng: đơn đề nghị dừng TGXH; quyết định dừng TGXH, giao trẻ về gia đình và hòa nhập cộng đồng; biên bản bàn giao đối tượng về gia đình, cộng đồng.

đ) Thực hiện chính sách TGXH

- Quy trình TGXH: chưa thực hiện xây kế hoạch trợ giúp; phân tích, đánh giá sự tiến triển của đối tượng; lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng.

- Đã thực hiện nuôi dưỡng; chăm sóc sức khỏe; học văn hóa; thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí cho đối tượng theo quy định.

- Kinh phí nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội do UBND thị xã Ninh Hòa cấp; đối tượng tự nguyện do Cơ sở bố trí (hợp đồng dịch vụ: không thu phí từ gia đình đối tượng).

e) Về tài chính

- Tổng thu 3.827.753.000 đồng (năm 2020: 1.155.423.000 đồng; năm 2021: 1.856.820.000 đồng; năm 2022: 815.510.000 đồng); tổng chi 3.579.084.000 đồng (năm 2020: 1.074.505.000 đồng; năm 2021: 1.787.759.000 đồng; năm 2022: 716.820.000 đồng).

- Đối với nguồn trợ giúp của các tổ chức, cá nhân: chưa xây dựng quy chế tiếp nhận, sử dụng nguồn trợ giúp.

1.4. Tại Làng Trẻ em SOS Nha Trang (sau đây gọi là Làng SOS)

a) Chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình hoạt động: đơn vị thuộc tổ chức phi Chính phủ Làng Trẻ em SOS Quốc tế; Quyết định thành lập số 2010/1998/QĐ-UB ngày 21/7/1998 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Chức năng, nhiệm vụ: tiếp nhận, chăm sóc, giáo dục và dạy nghề cho trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa; hoạt động trường mẫu giáo và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; tuyển chọn và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ bà mẹ, bà di nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em từ khi sơ sinh đến tuổi trưởng thành, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ, nhân viên.

b) Vị trí và cơ sở vật chất

Làng SOS đảm bảo các điều kiện về môi trường, vị trí, khuôn viên và cơ sở vật chất: khu nhà ở, khu nhà bếp, khu vui chơi giải trí, phòng học, nhà vệ sinh, phòng sinh hoạt chung.

c) Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, nhân viên

- Giám đốc và 02 bộ phận: Lưu xá thanh niên; Trường mẫu giáo.

- Tổng số cán bộ, nhân viên là 39 người, trong đó: 30 nữ và 09 nam; hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 29 người, hợp đồng lao động xác định thời hạn: 08 người, hợp đồng đào tạo, thử việc: 02 người.

- Đã trả tiền lương, tiền công cho người lao động.

- Nội dung hợp đồng lao động ký kết với người lao động chưa thể hiện cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: chế độ nâng lương, tiền thưởng, chế độ nghỉ ngơi, chế độ đào tạo, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ghi “theo quy định”; chưa xây dựng thang lương, bảng lương.

d) Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dùng chăm sóc, nuôi dưỡng

- Công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội:

+ Tại thời điểm ngày 25/5/2022, tổng số đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng SOS là 163 người, trong đó: 22 người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đủ điều kiện sống trong cơ sở TGXH; 141 người có hoàn cảnh khó khăn khác.

+ Đã cập nhật thông tin đối tượng tại hệ thống thông tin quản lý cơ sở TGXH; phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý đối tượng của Làng Trẻ em SOS Việt Nam.

- Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dùng chăm sóc, nuôi dưỡng: thực hiện theo Quy chế hướng dẫn công tác tiếp nhận trẻ vào Làng SOS ban hành kèm theo Quyết định số 101/QĐ-SOSVN ngày 21/02/2019 của Giám đốc Quốc gia Làng Trẻ em SOS Việt Nam.

đ) Thực hiện chính sách TGXH

- Đã thực hiện nuôi dưỡng; chăm sóc sức khỏe; học văn hóa, học nghề; thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí cho đối tượng.

- Kinh phí nuôi dưỡng đối tượng do Làng Trẻ em SOS Việt Nam cấp và thực hiện theo mức trợ cấp nuôi dưỡng tại Công văn số 185/SOSVN ngày 26/04/2018 của Làng Trẻ em SOS Việt Nam; ngân sách địa phương hỗ trợ cấp bù chênh lệch tiền ăn cho đối tượng tại Làng SOS theo Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em đang nuôi dưỡng tại Làng Trẻ em SOS.

e) Về tài chính

- Tổng thu 31.131.038.724 đồng (năm 2020: 13.600.109.324 đồng; năm 2021: 13.775.171.722 đồng; năm 2022: 3.755.757.678 đồng); tổng chi 30.802.737.899 đồng (năm 2020: 13.426.932.724 đồng; năm 2021: 13.788.851.250 đồng; năm 2022: 3.586.953.925 đồng).

- Đối với nguồn trợ giúp của tổ chức, cá nhân: Giám đốc Làng SOS ban hành Quyết định số 08/QĐ-SOSNT ngày 04/01/2020 về việc kiện toàn Ban tiếp nhận và phân phối quà tặng.

- Số dư tiền ăn, đồ dùng sinh hoạt cá nhân; quà tặng, học bổng của 10 đối tượng đã dùng chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng Làng SOS chưa chi trả cho đối tượng, tổng số tiền là 111.375.110 đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

2. Công tác quản lý đối tượng BTXH

2.1. Tại Sở LĐTBXH

- Tính đến tháng 5/2022, tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng trong toàn tỉnh là 45.361 người, trong đó:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 221 người.

+ Người từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất: 73 người.

+ Người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo: 16 người.

+ Người đơn thân nghèo đang nuôi con: 1.088 người.

+ Người cao tuổi: 19.420 người.

+ Người khuyết tật: 21.160 người.

- + Người hưởng kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH: 3.383 người.
- Sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý đối tượng BTXH để quản lý, theo dõi.

2.2. Tại thị xã Ninh Hòa

- Tại thời điểm tháng 5/2022, tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng là 10.655 người, trong đó:

- + Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 37 người.
- + Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất: 12 người.
- + Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 03 người.
- + Người bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hằng tháng: 01 người.
- + Người đơn thân nghèo/cận nghèo đang nuôi con: 164 người.
- + Người cao tuổi: 4.420 người.
- + Người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng: 4.833 người.
- + Người hưởng kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH: 1.185 người.
- Việc quản lý đối tượng BTXH được thực hiện bằng phần mềm và sổ sách theo dõi.

3.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

- Tại phường Ninh Giang: tính đến tháng 5/2022, tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng là 526 người, trong đó:

- + Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng: 04 người.
- + Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất: 04 người.
- + Người đơn thân nghèo/cận nghèo đang nuôi con: 12 người.
- + Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng: 06 người.
- + Người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội: 182 người.
- + Người khuyết tật: 227 người trong đó (khuyết tật đặc biệt nặng: 92 người, khuyết tật nặng: 135 người).
- + Người hưởng kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH: 91 người.
- Tại xã Ninh Phụng: tính đến tháng 5/2022, tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng là 634 người, trong đó:

+ Người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội: 261 người.

+ Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng: 11 người.

+ Người đơn thân nghèo/cận nghèo đang nuôi con: 22 người.

+ Người khuyết tật: 255 người trong đó (khuyết tật đặc biệt nặng: 85 người, khuyết tật nặng: 170 người).

+ Người hưởng kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH: 85 người.

- Việc quản lý đối tượng BTXH tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra thực hiện bằng phần mềm và sổ sách theo dõi.

3. Công tác tiếp nhận, thẩm định, xét duyệt hồ sơ

3.1. Tại Sở LĐTBXH

- Trong năm 2022, Sở LĐTBXH đã xem xét, thẩm định 09 hồ sơ đề nghị tiếp nhận đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở TGXH (thực hiện từ ngày 01/7/2021 theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội), kết quả thẩm định của Sở: 07/09 hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận; 02/09 hồ sơ không đủ điều kiện. Các hồ sơ được thẩm định theo quy định pháp luật.

- Sở LĐTBXH đã hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khẩn cấp (không thuộc đối tượng được TGXH khẩn cấp theo quy định tại Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021) gồm 15 hộ gia đình có người bị tai nạn lao động, bệnh hiểm nghèo, 09 trẻ em bị mồ côi có cha, mẹ tử vong do nhiễm Covid-19, 07 hộ gia đình có trẻ em bị chết do đuối nước, 03 hộ gia đình có người chết do lũ lụt, tổng số tiền 229.000.000 đồng. Đối với từng trường hợp cụ thể, đơn vị cấp xã, cấp huyện có văn bản gửi lên, Sở LĐTBXH có tờ trình xin ý kiến của UBND tỉnh, sau khi có văn bản của UBND tỉnh đồng ý, phê duyệt thì Sở LĐTBXH thực hiện hỗ trợ.

3.2. Tại thị xã Ninh Hòa

a) Hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng và hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng

Kiểm tra 441 hồ sơ đối tượng BTXH được xác lập từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm thanh tra lưu tại UBND thị xã Ninh Hòa (trong đó 253 hồ sơ thuộc xã Ninh Phụng; 188 hồ sơ thuộc phường Ninh Giang), kết quả:

- Phòng LĐTBXH thị xã tiếp nhận hồ sơ từ UBND cấp xã, thẩm định và trình Chủ tịch UBND thị xã ban hành quyết định hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 và Điều 17 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH đối với hồ sơ phát sinh từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021 và theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 đối với hồ sơ phát sinh từ ngày 01/7/2021 đến nay.

- Thời điểm hưởng trợ cấp của đối tượng thực hiện theo quy định pháp luật.

b) Điều chỉnh, thôi hưởng, tạm dừng trợ cấp xã hội

- Kiểm tra 29 hồ sơ đối tượng điều chỉnh trợ cấp hàng tháng và 21 hồ sơ thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (tháng 01/2022), kết quả: thời gian điều chỉnh mức trợ cấp xã hội và thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Tất cả đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đều được điều chỉnh mức hưởng từ ngày 01/7/2021 theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

- Có 03 trường hợp tạm dừng trợ cấp do không có người nhận chế độ liên tục từ 03 tháng trở lên. Tại thời điểm thanh tra, 01 trường hợp vẫn đang tạm dừng trợ cấp (bà Trần Thị Tánh, phường Ninh Thượng, thị xã Ninh Hòa, quyết định tạm dừng số 531/QĐ-CT.UBND ngày 14/02/2022); 01 trường hợp đã hưởng lại chế độ (bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, quyết định tạm dừng số 2803/QĐ-CT.UBND ngày 13/8/2020, quyết định tiếp tục trợ cấp số 3234/QĐ-CT.UBND ngày 23/9/2020) và 01 trường hợp đã chuyển hồ sơ và chế độ đến tỉnh Đắk Lắk (bà Nguyễn Thị Chính, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa).

c) Việc lưu hồ sơ đối tượng

Hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng lưu theo đơn vị xã, phường trong từng năm; hồ sơ điều chỉnh, thôi hưởng chế độ và hỗ trợ chi phí mai táng lưu theo tháng trong từng năm.

3.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

3.3.1. Việc xác định mức độ khuyết tật

a) Đã thành lập và kiện toàn Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã; ban hành quy chế làm việc của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.

b) Kiểm tra hồ sơ 135 trường hợp được xác định mức độ khuyết tật, xác định lại mức độ khuyết tật (63 trường hợp thuộc xã Ninh Phụng; 72 trường hợp thuộc phường Ninh Giang), kết quả:

- Hồ sơ, thủ tục và trình tự gồm đơn đề nghị xác định mức độ khuyết tật; phiếu xác định mức độ khuyết tật; biên bản họp kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật; thông báo về việc niêm yết danh sách đối tượng người khuyết tật; cấp giấy xác nhận khuyết tật.

- Tại phường Ninh Giang:

+ 13 trường hợp được UBND phường Ninh Giang niêm yết và cấp giấy xác nhận khuyết tật chưa đảm bảo trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có biên bản họp kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, gồm: bà Huỳnh Thị Dần, sinh năm 1936; bà Nguyễn Thị Nhị, sinh năm 1925; ông Lê Văn Dũng, sinh năm 1979; bà Lê Thị Khánh, sinh năm 1951; ông Huỳnh Chiếm Trường, sinh năm 1993; bà Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm 1982; bà Nguyễn Thị Thúng, sinh năm 1934; ông Đồng Quạt, sinh năm 1925; bà Phan Thị Dạ, sinh năm 1934; ông Trần Đông, sinh năm 1950; bà Nguyễn Xương, sinh năm 1928; bà Huỳnh Kim Siêng, sinh năm 1958; bà Biện Minh Hiệp, sinh năm 1985 từ khi có biên bản họp kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đến ngày cấp giấy xác nhận khuyết tật là 09 ngày làm việc.

+ 01 trường hợp được Hội đồng giám định y khoa tỉnh Khánh Hòa xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, UBND phường Ninh Giang cấp giấy xác nhận khuyết tật chưa đảm bảo trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có biên bản giám định: ông Vũ Văn Hùng, sinh năm 1974, biên bản giám định y khoa số 09/GĐYK-KT ngày 13/02/2020, cấp giấy xác nhận khuyết tật ngày 01/4/2020 (hơn 01 tháng).

- Tại xã Ninh Phụng: chưa lưu trữ hồ sơ xác định mức độ khuyết tật theo từng trường hợp (lưu theo từng loại giấy tờ trong từng đợt xét duyệt).

3.3.2. Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện TGXH

- UBND 02 đơn vị cấp xã được thanh tra đã thực hiện xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng, điều chỉnh, thôi hưởng chế độ TGXH. Hồ sơ xét duyệt gồm có: tờ khai đề nghị TGXH; biên bản họp Hội đồng xét duyệt TGXH (theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013) hoặc biên bản họp xét duyệt TGXH (theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021); thông báo niêm yết công khai danh sách đối tượng; tờ trình về việc đề nghị trợ cấp thường xuyên.

- Tại phường Ninh Giang: trường hợp bà Huỳnh Kim Siêng, sinh năm 1958, tổ dân phố Phong Phú 2 được hưởng chế độ người khuyết tật đặc biệt nặng từ tháng 10/2021 (Quyết định số 15425/QĐ-CT.UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa) nhưng đến tháng 3/2022 mới lập hồ sơ hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng, được hưởng chế độ từ tháng 4/2022 (sau 05 tháng kể từ tháng hưởng chế độ người khuyết tật đặc biệt nặng).

- Tại xã Ninh Phụng: trường hợp bà Hoàng Thị Long, sinh ngày 26/7/1987, thôn Nghi Phụng, chuyển chế độ trợ cấp người khuyết tật nặng từ tỉnh Nghệ An đến tỉnh Khánh Hòa tháng 3/2022, UBND xã Ninh Phụng tiếp nhận hồ sơ và thực hiện xác định lại mức độ khuyết tật (Biên bản ngày 20/3/2021 của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Ninh Phụng) trình Phòng LĐTBXH thẩm định và Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 1373/QĐ-CT.UBND ngày 08/04/2022 về việc trợ cấp hằng tháng, chưa thực hiện theo thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 (Chủ tịch UBND xã tiếp nhận, xác nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng LĐTBXH thị xã thẩm định, trình Chủ tịch UBND thị xã quyết định trợ cấp xã hội hằng tháng).

3.3.3. Kiểm tra, xác minh đối tượng

- Xác minh trực tiếp 33 trường hợp (trong đó: 16 trường hợp tại phường Ninh Giang; 17 trường hợp tại xã Ninh Phụng), kết quả: các trường hợp đều đúng dạng khuyết tật theo hồ sơ; có giấy khám, chữa bệnh của cơ quan y tế cấp tỉnh; bệnh, tật ảnh hưởng đến khả năng phục vụ sinh hoạt cá nhân đúng như phiếu xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã; 33/33 trường hợp nhận trợ cấp hằng tháng đầy đủ (vào ngày 11 của tháng).

- Đối chiếu 34 trường hợp hưởng chế độ người đơn thân nghèo đang nuôi con (12 trường hợp tại phường Ninh Giang; 22 trường hợp tại xã Ninh Phụng) với danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, kết quả: các trường hợp đều có tên trong danh sách hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được UBND cấp xã phê duyệt năm 2021, năm 2022.

- Xác minh trực tiếp 07 trường hợp 90 tuổi nhận quà mừng thọ của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa năm 2021 tại phường Ninh Giang, kết quả: 07/07 trường hợp đều nhận được quà và 700.000 đồng tiền mặt.

4. Công tác chi trả chế độ TGXH

4.1. Trên địa bàn toàn tỉnh

Sở LĐTBXH đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1086/QĐ-CTUBND ngày 19/4/2017 về việc mở rộng thực hiện chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên cho các đối tượng BTXH thông qua dịch vụ bưu điện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (trước đó triển khai thí điểm tại thành phố Cam Ranh và huyện Vạn Ninh theo Công văn số 7609/UBND-KGVX ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa); từ ngày 01/10/2017 đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện chi trả thông qua dịch vụ bưu điện, mức lệ phí thanh toán cho bưu điện là 1,45% trên tổng kinh phí chi trả và được thực hiện từ nguồn kinh phí ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố.

4.2. Tại thị xã Ninh Hòa

- Phòng LĐTBXH thị xã đã ký kết Hợp đồng dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng qua hệ thống bưu điện với Bưu điện thị xã Ninh Hòa (Hợp đồng số 18/PLĐ-TBXHNH/BĐNH ngày 28/4/2017). Nội dung hợp đồng chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc ký kết lại cho phù hợp với quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 15/3/2021: Hợp đồng quy định trước ngày 08 hằng tháng, Phòng LĐTBXH chuyển tiền cho Bưu điện nhưng Nghị định quy định trước ngày 25 hằng tháng của tháng trước chuyển tiền để chi trả của tháng sau; hợp đồng chưa ghi cụ thể thời hạn chi trả đến người thụ hưởng.

- Kiểm tra danh sách ký nhận trợ cấp thường xuyên tháng 8/2021 do Bưu điện thị xã Ninh Hòa thực hiện chi trả, có 13 đối tượng chỉ ghi tên, không ký nhận; kiểm tra sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội hằng tháng của 13 đối tượng có ghi cấp phát trợ cấp hằng tháng và chữ ký, họ tên của nhân viên bưu điện.

- Kiểm tra danh sách chi trả trợ cấp tháng 05/2022 tại phường Ninh Giang có một số trường hợp ký nhận thay nhưng không có giấy ủy quyền như trường hợp bà Trần Thị Tư và bà Từ Thị Tùy (người ký nhận thay là Nguyễn Thị Hoài Mộng), bà Nguyễn Chí Hải (người ký nhận thay là Giang Thùy Vui), ông Nguyễn Đức Tuấn (người ký nhận thay là Phan Thị Đà) và bà Võ Thị Vẽ (người ký nhận thay là Võ Thị Thu Phương).

4.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

Định kỳ từ ngày 20 đến ngày 25 hằng tháng, UBND cấp xã rà soát đối tượng, báo cáo tăng, giảm đối tượng BTXH về phòng LĐTĐ thị xã. Trên cơ sở đó, Phòng LĐTĐ cắt giảm đối tượng và tăng đối tượng mới vào hệ thống phần mềm và trích xuất danh sách đối tượng gửi về cấp xã để đối chiếu, rà soát thực hiện chi trả chế độ.

5. Kinh phí thực hiện chính sách TGXH

5.1. Trên địa bàn toàn tỉnh

- Tổng kinh phí được giao thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên là 413.132.126.000 đồng (năm 2020: 124.363.209.000 đồng; năm 2021: 148.058.278.000 đồng; năm 2022: 140.710.639.000 đồng).

- Tổng kinh phí đã sử dụng là 335.938.626.000 đồng (năm 2020: 124.057.908.000 đồng; năm 2021: 144.014.248.000 đồng; tính đến tháng 5/2022: 67.866.470.000 đồng).

5.2. Tại thị xã Ninh Hòa

- Tổng kinh phí được giao thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên là 192.193.750.000 đồng (năm 2020: 54.717.750.000 đồng; năm 2021: 67.713.000.000 đồng; năm 2022: 69.763.000.000 đồng).

- Tổng kinh phí đã sử dụng là 148.862.710.000 đồng (năm 2020: 54.582.300.000 đồng; năm 2021: 64.254.930.000 đồng; tính đến tháng 5/2022 là 30.025.480.000 đồng).

5.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

- Tại phường Ninh Giang: tổng kinh phí đã sử dụng thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên là 6.637.190.000 đồng (năm 2020: 2.286.850.000 đồng; năm 2021: 2.973.160.000 đồng; tính đến tháng 5/2022: 1.377.180.000 đồng).

- Tại xã Ninh Phụng: tổng kinh phí đã sử dụng thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên là 7.601.160.000 đồng (năm 2020: 3.088.500.000 đồng; năm 2021: 2.886.720.000 đồng; tính đến tháng 5/2022: 1.625.940.000 đồng).

6. Cơ sở TGXH chưa đăng ký hoạt động

Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, chưa phát hiện cơ sở thực hiện TGXH nhưng chưa đăng ký hoạt động.

C. KẾT LUẬN

I. Những quy định của pháp luật về chính sách TGXH đã được địa phương thực hiện

1. Sở LĐTBXH

1.1. Đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án của Thủ tướng Chính phủ về chính sách TGXH.

1.2. Đã tổ chức tuyên truyền về chính sách TGXH, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật.

1.3. Đã thực hiện 01 cuộc kiểm tra đối với các cơ sở TGXH và 01 cuộc thanh tra hành chính tại Trung tâm BTXH Khánh Hòa.

1.4. Đã tiếp nhận và xử lý 09 đơn thư của công dân về lĩnh vực TGXH theo quy định pháp luật.

1.5. Đã quản lý, thống kê tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng và trợ giúp xã hội khẩn cấp trong toàn tỉnh; sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý đối tượng bảo trợ xã hội để quản lý, theo dõi.

1.6. Đã thực hiện xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị tiếp nhận đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở TGXH theo quy định pháp luật và hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khẩn cấp.

1.7. Đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên cho các đối tượng BTXH thông qua dịch vụ bưu điện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. UBND thị xã Ninh Hòa

2.1. Đã ban hành văn bản và chỉ đạo Phòng LĐTBXH, UBND cấp xã triển khai, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về TGXH.

2.2. Đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách về TGXH thông qua hệ thống đài truyền thanh; lồng ghép trong các buổi giao ban định kỳ và treo 86 băng rôn tuyên truyền kỷ niệm Ngày Người khuyết tật Việt Nam.

2.3. Đã tổ chức 02 lớp tập huấn cho 295 người là thành viên Hội đồng xét duyệt TGXH và cộng tác viên CTXH cấp xã; phối hợp với Trung tâm phục hồi chức năng - Giáo dục trẻ em khuyết tật tỉnh Khánh Hòa tổ chức tập huấn chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho 65 người là cán của Trung tâm Y tế thị xã, trạm y tế cấp xã, cán bộ phụ trách công tác trẻ em và người thân của trẻ em khuyết tật vận động.

2.4. Đã giao Phòng LĐTBXH kiểm tra việc thực hiện chính sách TGXH tại xã Ninh Xuân và xã Ninh An.

2.5. Đã tiếp nhận và xử lý 02 đơn thư của công dân về lĩnh vực TGXH theo quy định pháp luật.

2.6. Đối với 441 hồ sơ được kiểm tra: hồ sơ, thủ tục xét duyệt và thời điểm hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng được thực hiện theo quy định pháp luật.

2.6. Đối với 50 hồ sơ điều chỉnh, thôi hưởng, tạm dừng trợ cấp xã hội được kiểm tra: thời gian điều chỉnh, thôi hưởng, tạm dừng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định pháp luật.

2.7. Đã điều chỉnh mức hưởng trợ cấp xã hội cho tất cả đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ ngày 01/7/2021 theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

2.8. Đã lưu hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng theo đơn vị xã, phường trong từng năm; hồ sơ điều chỉnh, thôi hưởng chế độ và hỗ trợ chi phí mai táng lưu theo tháng trong từng năm.

2.9. Phòng LĐTBXH thị xã đã ký kết Hợp đồng dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng qua hệ thống bưu điện với Bưu điện thị xã Ninh Hòa.

3. UBND phường Ninh Giang và xã Ninh Phụng

3.1. Đã ban hành văn bản và triển khai, thực hiện chính sách TGXH trên địa bàn cấp xã.

3.2. Đã thực hiện tuyên truyền về chính sách TGXH thông qua đài truyền thanh hoặc lồng ghép trong cuộc họp của các tổ chức đoàn thể, của thôn.

3.3. Đã thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật và tổ chức xác định mức độ khuyết tật, xác định lại mức độ khuyết tật; hướng dẫn lập hồ sơ và thực hiện thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng cho đối tượng theo quy định pháp luật.

3.4. Đối với 74 trường hợp được xác minh: 33 trường hợp (16 trường hợp tại phường Ninh Giang, 17 trường hợp tại xã Ninh Phụng) được xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật theo quy định pháp luật, nhận trợ cấp hằng tháng đầy đủ; 34 trường hợp (12 trường hợp tại phường Ninh Giang, 22 trường hợp tại xã Ninh Phụng) hưởng chế độ người đơn thân nghèo đang nuôi con đều có tên trong danh sách hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được UBND cấp xã phê duyệt năm 2021, năm 2022; 07 trường hợp 90 tuổi (tại phường Ninh Giang) đã nhận đầy đủ quà mừng thọ của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa năm 2021

4. Trung tâm BTXH và Công tác xã hội Ninh Hòa

4.1. Đảm bảo các điều kiện về môi trường và vị trí, khuôn viên, cơ sở vật chất: khu nhà bếp, khu vui chơi giải trí, phòng học, nhà vệ sinh, phòng sinh hoạt chung.

4.2. Tổ chức bộ máy có Ban Giám đốc, 03 phòng chuyên môn với tổng số viên chức, người lao động là 20 người; đã trả các khoản tiền lương, tiền công, phụ cấp cho viên chức, người lao động.

4.3. Hồ sơ tiếp nhận và dùng chăm sóc, nuôi dưỡng được lập đầy đủ; quy trình, thủ tục được thực hiện cơ bản theo quy định pháp luật; đã cập nhật đầy đủ thông tin đối tượng trên hệ thống thông tin quản lý cơ sở TGXH.

4.4. Đã thực hiện các quy trình trợ giúp xã hội đối với các đối tượng; thực hiện nuôi dưỡng; chăm sóc sức khỏe; học văn hóa; thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí cho 45 đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định pháp luật.

4.5. Đã ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn quỹ từ thiện.

5. Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào

5.1. Đảm bảo các điều kiện về môi trường và vị trí, khuôn viên, cơ sở vật chất: khu nhà ở, khu nhà bếp, khu vui chơi giải trí, phòng học, nhà vệ sinh, phòng sinh hoạt chung.

5.2. Tổ chức bộ máy có Giám đốc và 14 người lao động; đã trả tiền lương, tiền công cho người lao động.

5.3. Hồ sơ, quy trình tiếp nhận đối tượng tự nguyện và dùng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng được thực hiện theo quy định pháp luật; đã cập nhật thông tin đối tượng trên hệ thống thông tin quản lý cơ sở TGXH.

5.4. Đã thực hiện nuôi dưỡng; chăm sóc sức khỏe; học văn hóa; thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí cho 59 đối tượng theo quy định pháp luật.

6. Làng Trẻ em SOS Nha Trang

6.1. Đảm bảo các điều kiện về môi trường và vị trí, khuôn viên, cơ sở vật chất: khu nhà ở, khu nhà bếp, khu vui chơi giải trí, phòng học, nhà vệ sinh, phòng sinh hoạt chung.

6.2. Tổ chức bộ máy có Giám đốc và 02 bộ phận chuyên môn với tổng số nhân viên, người lao động là 39 người; đã trả tiền lương, tiền công người lao động.

6.3. Đã cập nhật thông tin đối tượng tại hệ thống thông tin quản lý cơ sở TGXH, phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý đối tượng của Làng Trẻ em SOS Việt Nam.

6.4. Đã thực hiện nuôi dưỡng; chăm sóc sức khỏe; học văn hóa, học nghề; thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí cho 163 đối tượng.

6.5. Đã thành lập ban tiếp nhận và phân phối quà tặng từ nguồn trợ giúp của tổ chức, cá nhân.

II. Những quy định của pháp luật về chính sách TGXH chưa được địa phương thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

1. Sở LĐTBXH

Chưa rà soát, cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở TGXH thuộc thẩm quyền cấp tỉnh; chưa chỉ đạo Phòng LĐTBXH cấp huyện rà soát, cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở TGXH thuộc thẩm quyền cấp huyện theo quy định tại

Mục 2 Chương IV (Điều 26 đến Điều 33) và Điều 50 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

2. UBND thị xã Ninh Hòa

2.1. Chưa thực hiện đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013; Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

2.2. Chưa rà soát, cấp giấy phép hoạt động đối với Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào, Cơ sở BTXH Mái ấm Chùa Phật Bửu theo quy định tại Mục 2 Chương IV (Điều 26 đến Điều 33) và Điều 50 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

2.3. Nội dung hợp đồng dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng giữa Phòng LĐTBXH thị xã và Bưu điện thị xã Ninh Hòa ghi chưa đúng thời điểm chuyển tiền cho cơ quan bưu điện để chi trả trợ cấp tháng sau, chưa cụ thể thời hạn chi trả đến người thụ hưởng theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

2.3. Danh sách chi trả trợ cấp tháng 8/2021 có 13 trường hợp chỉ ghi tên, không ký nhận; danh sách chi trả trợ cấp tháng 05/2022 tại phường Ninh Giang có một số trường hợp ký nhận thay nhưng không có giấy ủy quyền, chưa đảm bảo về chứng từ kế toán theo quy định tại Mục 1 Chương II Luật Kế toán năm 2015.

3. UBND phường Ninh Giang và xã Ninh Phụng

3.1. UBND phường Ninh Giang

- Chưa tổ chức đào tạo nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021.

- Chậm cấp giấy xác nhận khuyết tật đối với 13 trường hợp do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật phường xác định khuyết tật và 01 trường hợp do Hội đồng giám định y khoa tỉnh Khánh Hòa xác định khuyết tật so với quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

- Trường hợp bà Huỳnh Kim Siêng, sinh năm 1958, tổ dân phố Phong Phú 2, phường Ninh Giang được hướng dẫn lập hồ sơ và hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng sau 05 tháng kể từ tháng đối tượng hưởng chế độ người khuyết tật là chưa đảm bảo quy định tại Điều 21 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

3.2. UBND xã Ninh Phụng

- Chưa tổ chức đào tạo nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021.

- Xác định lại mức độ khuyết tật đối với bà Hoàng Thị Long, sinh ngày 26/7/1987, thôn Nghi Phụng, chuyên chế độ trợ cấp người khuyết tật nặng từ tỉnh Nghệ An đến tỉnh Khánh Hòa không đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

- Chưa lưu trữ hồ sơ xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019.

4. Trung tâm BTXH và Công tác xã hội Ninh Hòa

4.1. Diện tích phòng ở đối với trẻ em chưa đảm bảo bình quân tối thiểu 6m²/đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

4.2. Nội dung hợp đồng lao động ký kết với người lao động chưa thể hiện cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019; chưa xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2019.

4.3. Có 30 đối tượng khuyết tật (02 trường hợp là đối tượng khuyết tật nặng và 28 trường hợp khuyết tật đặc biệt nặng) có cả bố và mẹ hoặc có bố hoặc có mẹ đang sống tại cộng đồng nhưng vẫn được tiếp nhận và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm là chưa đúng đối tượng phục vụ quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 và Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

4.4. Giải quyết cho 06 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng về thăm gia đình từ 7 tháng đến 10 tháng là không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm quy định tại Điều 7 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

4.5. Có 02 trường hợp được Trung tâm ban hành các quyết định chăm sóc, nuôi dưỡng khẩn cấp nhiều lần (quá 03 tháng) không đúng quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 và khoản 4 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

5. Cơ sở TGXH Mái ấm Anh Đào

5.1. Có 10 đối tượng (07 trường hợp ngoài thị xã Ninh Hòa thuộc tỉnh Khánh Hòa; 03 trường hợp ngoài tỉnh Khánh Hòa) đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Cơ sở là chưa đảm bảo về phạm vi hoạt động theo thẩm quyền cho phép thành lập, hoạt động cơ sở TGXH của UBND thị xã Ninh Hòa quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ

quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội, hiện nay là Điều 19 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

5.2. Nội dung hợp đồng lao động ký kết với người lao động chưa thể hiện cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019; chưa xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2019.

5.3. Hồ sơ, thủ tục tiếp nhận đối tượng vào Cơ sở chưa thực hiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 và Điều 40, Điều 41 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

5.4. Chưa lập kế hoạch trợ giúp; chưa phân tích, đánh giá sự tiến triển của đối tượng; chưa lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

5.5. Chưa xây dựng quy chế tiếp nhận, sử dụng nguồn trợ giúp của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

6. Làng Trẻ em SOS Nha Trang

6.1. Nội dung hợp đồng lao động ký kết với người lao động chưa thể hiện cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019; chưa xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2019.

6.3. Chưa chi trả số dư tiền ăn, đồ dùng sinh hoạt cá nhân; quà tặng, học bổng cho 10 đối tượng đã dừng chăm sóc, nuôi dưỡng, tổng số tiền là 111.375.110 đồng.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Đối với Giám đốc Sở LĐTBXH

1. Chỉ đạo khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 1 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

2. Tổ chức, chỉ đạo rà soát, hướng dẫn các cơ sở TGXH trên địa bàn tỉnh thực hiện các thủ tục cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại Chương IV và Điều 50 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

3. Chỉ đạo các cơ sở TGXH trên địa bàn tỉnh, trong đó có Trung tâm BTXH và Công tác xã hội Ninh Hòa rà soát toàn bộ đối tượng BTXH đang chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 và Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức được thanh tra khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

5. Thông báo về những thiếu sót của các cơ quan, tổ chức được thanh tra đến các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở TGXH trên địa bàn tỉnh để thực hiện tự kiểm tra, rà soát, rút kinh nghiệm, khắc phục kịp thời những thiếu sót tương tự.

II. Đối với Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa

1. Chỉ đạo khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 2 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

2. Tổ chức rà soát và hướng dẫn Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào và Cơ sở BTXH Mái ấm Chùa Phật Bửu thực hiện các thủ tục cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại Chương IV và Điều 50 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở TGXH thuộc thẩm quyền quản lý rà soát đối tượng BTXH đang chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 và Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND phường Ninh Giang và xã Ninh Phụng; Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 3, khoản 5 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

III. Đối với Chủ tịch UBND phường Ninh Giang và xã Ninh Phụng

Chỉ đạo khắc phục các thiếu sót và nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu tại khoản 3 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

IV. Đối với Giám đốc Trung tâm BTXH và Công tác xã hội Ninh Hòa

1. Chỉ đạo khắc phục các thiếu sót và nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu tại khoản 4 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

2. Rà soát toàn bộ đối tượng bảo trợ xã hội đang chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm, báo cáo Sở LĐTBXH tỉnh hướng xử lý, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 và Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

V. Đối với Giám đốc Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào

1. Chỉ đạo khắc phục các thiếu sót và nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu tại khoản 5 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

2. Lập hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi phạm vi hoạt động, cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại Điều 20 và Chương IV Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017.

3. Xây dựng quy chế tiếp nhận, sử dụng nguồn trợ giúp của tổ chức, cá nhân, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định pháp luật.

VI. Đối với Giám đốc Làng Trẻ em SOS Nha Trang

1. Chỉ đạo khắc phục các thiếu sót và nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu tại khoản 6 Mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

2. Chi trả số tiền 111.375.110 đồng đối với 10 đối tượng đã dừng chăm sóc, nuôi dưỡng.

E. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa, Chủ tịch UBND phường Ninh Giang, Chủ tịch UBND xã Ninh Phụng, Giám đốc Trung tâm BTXH và Công tác xã hội Ninh Hòa, Giám đốc Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào, Giám đốc Làng Trẻ em SOS Nha Trang thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần D Kết luận thanh tra này, báo cáo kết quả thực hiện và các hồ sơ tài liệu kèm theo về Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa để tổng hợp trước ngày 15/9/2022.

Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại tại Phần D Kết luận thanh tra này, tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của các cơ quan, tổ chức nêu trên và báo cáo kết quả kèm hồ sơ tài liệu gửi về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/9/2022./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa (để t/h);
- Thị xã Ninh Hòa: UBND thị xã; UBND phường Ninh Giang; UBND xã Ninh Phụng (để t/h);
- Trung tâm BTXH và CTXH Ninh Hòa (để t/h);
- Cơ sở TGXH Mái ấm Anh Đào (để t/h);
- Làng Trẻ em SOS Nha Trang (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục Bảo trợ xã hội (để ph/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

**KT.CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

Phụ lục số 01: DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Stt	Số công văn	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
I UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành			
1	Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND	31/12/2016	Quy định mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
2	Công văn số 3581/UBND-KGVX	04/5/2021	Triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
3	Công văn số 4014/UBND-KGVX	03/5/2019	Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP của Chính phủ về chính sách xã hội
4	Quyết định 2215/QĐ-UBND	02/8/2017	Phê duyệt kế hoạch thực hiện Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 21/6/2016 phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”
5	Công văn số 6173/UBND-KGVX	23/6/2020	Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2010-2020 và đề xuất quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2030
6	Kế hoạch số 12128/KH-UBND	29/11/2021	Thực hiện Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 phê duyệt chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030
7	Công văn số 3105/UBND-KGVX	07/4/2022	Kinh phí hỗ trợ thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021 của Chính phủ đối với trẻ em tại Làng Trẻ em SOS Nha Trang
II Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa ban hành			
1	Công văn số 65/SLĐTBXH-BTXH	06/01/2017	Hướng dẫn triển khai Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh về quy định mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
2	Công văn số 1017/SLĐTBXH-BTXHTEBĐG	10/5/2021	Triển khai Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh
3	Công văn số 1358/SLĐTBXH-BTXHTEBĐG	31/5/2019	Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP về chính sách trợ giúp xã hội
4	Công văn số 484/SLĐTBXH-BTXHTEBĐG	24/6/2020	Kết quả thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở TGXH giai đoạn 2010-2020, đề xuất quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn năm 2050
5	Công văn số 3124/SLĐTBXH-BTXHTEBĐG	09/12/2021	Triển khai Kế hoạch số 12128/KH-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 phê duyệt chương trình trợ giúp xã hội

			và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030
III	UBND thị xã Ninh Hòa ban hành		
1	Văn bản số 640/UBND	10/3/2020	Triển khai thực hiện Thông tư 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14/02/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Công văn số 2263/UBND	08/7/2020	Chấn chỉnh công tác quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội
3	Kế hoạch 3606/KH-UBND	16/10/2020	Tập huấn công tác bảo trợ xã hội năm 2020
4	Công văn số 3711/UBND	26/10/2020	Khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội năm 2020
5	Công văn số 4465/UBND	22/12/2020	Triển khai rà soát thực hiện hỗ trợ Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021
6	Công văn số 1602/UBND	14/5/2021	Triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ
7	Công văn số 1801/UBND	27/5/2021	Khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội năm 2021
8	Công văn số 2017/UBND	08/6/2021	Thực hiện ứng dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội
9	Công văn số 2989/UBND	06/8/2021	Triển khai rà soát, thực hiện chính sách Trợ giúp xã hội khẩn cấp và chính sách hỗ trợ người lao động do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19
10	Công văn số 3207/UBND	18/8/2021	Quan tâm thực hiện công tác an sinh xã hội trong thời gian giãn cách xã hội, cách ly xã hội đối với các đối tượng yếu thế
11	Công văn số 3576/UBND	09/9/2021	Khẩn trương khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội
12	Công văn số 4840/UBND	12/11/2021	Khẩn trương thực hiện sử dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội
13	Công văn số 5333/UBND	13/12/2021	Rà soát người dân có nguy cơ thiếu lương thực để thực hiện hỗ trợ
14	Công văn số 503/UBND	14/02/2022	Tăng cường thực hiện công tác quản lý và giải quyết chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
15	Công văn số 1208/UBND	10/3/2022	Tăng cường xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật
16	Công văn số 1801/UBND	27/5/2021	Khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội năm 2021
IV	Phòng LĐTBXH thị xã Ninh Hòa ban hành		
	Công văn số	12/8/2020	Tự kiểm tra công tác bảo trợ xã hội năm 2020

1	549/LĐTBXH		
2	Công văn số 591/LĐTBXH	26/8/2020	Cập nhập hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
3	Thông báo số 10/TB-LĐTBXH	20/10/2020	Kết quả tự kiểm tra công tác bảo trợ xã hội năm 2020
4	Công văn số 942/LĐTBXH	23/12/2020	Đôn đốc rà soát và quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội
5	Công văn số 89/LĐTBXH	27/01/2021	Triển khai tiếp nhận gạo hỗ trợ cho người dân thiếu lương thực, khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và giáp hạt đầu năm 2021
6	Công văn số 1358/SLĐTBXH-BTXHTEĐG	31/5/2019	Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP về chính sách trợ giúp xã hội
7	Quyết định số 07/QĐ-LĐTBXH	09/4/2021	Thành lập tổ kiểm tra công tác BTXH trên địa bàn thị xã Ninh Hòa năm 2021
8	Kế hoạch số 19/KH-LĐTBXH	09/4/2021	Tổ chức kiểm tra công tác bảo trợ xã hội năm 2021
9	Thông báo số 12/TB-LĐTBXH	21/5/2021	Kết quả tự kiểm tra công tác bảo trợ xã hội năm 2021
10	Công văn 453/LĐTBXH	24/5/2021	Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP
11	Công văn số 757/LĐTBXH	16/6/2021	Hướng dẫn hỗ trợ chi phí mai táng cho người chết do Covid 19
12	Công văn số 626/LĐTBXH	02/7/2021	hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP cho các cơ sở BTXH
13	Công văn số 630/LĐTBXH	05/7/2021	Triển khai Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ LĐTBXH
14	Công văn số 55/LĐTBXH	14/01/2022	Triển khai tiếp nhận gạo hỗ trợ cho người dân trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và giáp hạt đầu năm 2022
15	Công văn số 150/LĐTBXH	16/02/2022	Tiếp tục cập nhập hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội
16	Công văn số 151/LĐTBXH	16/02/2022	Tiếp tục rà soát thực hiện quản lý và giải quyết chế độ chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội
17	Công văn số 250/LĐTBXH	16/3/2022	Rà soát công tác nuôi dưỡng đối tượng theo giấy chứng nhận thành lập của các cơ sở Trợ giúp xã hội ngoài công lập

Phụ lục số 02: HỆ THỐNG CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

Số TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Đã quyết định/dăng ký thành lập	Cấp giấy phép hoạt động		Loại hình		Số đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng	Cung cấp dịch vụ
				Đã được cấp	Chưa được cấp	Công lập	Ngoài công lập		
1	Trung tâm BTXH Khánh Hòa	78 Đường 2/4 - Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang	x	x	x	x		105	Nuôi dưỡng dài hạn, bảo vệ khẩn cấp, công tác xã hội
2	Trung tâm BTXH và Công tác xã hội Ninh Hoà	Tổ dân phố 17, P. Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa	x	x	x			45	Nuôi dưỡng dài hạn, bảo vệ khẩn cấp, công tác xã hội
3	Trung tâm BTXH chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí Khánh Hòa	Thôn An Định, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh	x	x	x			147	Nuôi dưỡng dài hạn, công tác xã hội
4	Trung tâm BTXH Khánh Sơn	Thôn A Thi, xã Ba Cạm Bắc, huyện Khánh Sơn	x	x	x			25	Nuôi dưỡng dài hạn, bảo vệ khẩn cấp, công tác xã hội
5	Trung tâm BTXH Khánh Vĩnh	Thôn Đông, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh	x	x	x			18	Nuôi dưỡng dài hạn, bảo vệ khẩn cấp, công tác xã hội
6	Cơ sở Phước Phúc	Phường Phương Sài, thành phố Nha Trang	x	x			x	12	Nuôi dưỡng dài hạn

7	Cơ sở Tình thương Hường Dương	Phường Phước Long, thành phố Nha Trang	x		x			x								17	Nuôi dưỡng dài hạn		
8	Cơ sở Mái ấm Đại An	Xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh	x		x			x								27	Nuôi dưỡng dài hạn		
9	Cơ sở Mái ấm Nhân Ái	Xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh	x		x			x								73	Nuôi dưỡng dài hạn		
10	Cơ sở BTXH Chùa Phật Bửu	Phường Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	x		x			x								43	Nuôi dưỡng dài hạn		
11	Cơ sở BTXH Mái ấm Anh Đào	Phường Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa	x		x			x								59	Nuôi dưỡng dài hạn		
12	Cơ sở Vạn Phước	Xã Vạn Phước, huyện Vạn Ninh	x		x			x								20	Nuôi dưỡng dài hạn		
13	Cơ sở Mái ấm Chùa Thanh Sơn	Xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm	x		x			x								53	Nuôi dưỡng dài hạn		
14	Cơ sở Mái ấm Hy Vọng	Thị Trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm	x		x			x								26	Nuôi dưỡng dài hạn		
15	Cơ sở Hơi ấm Thừa Sai	Thị Trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm	x		x			x								17	Nuôi dưỡng dài hạn		
16	Cơ sở Phước Tường	Xã Phước Đông, thành phố Nha Trang	x		x			x								5	Nuôi dưỡng dài hạn		
17	Cơ sở BTXH ngoài công lập Thiện Tâm	Xã Phước Đông, thành phố Nha Trang	x		x			x								11	Nuôi dưỡng dài hạn		
18	Làng Trẻ em SOS Nha Trang	số 229 Đường 2/4 - Đồng Đế, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang																	
Tổng													18	02	16	05	13	866	Nuôi dưỡng dài hạn

Phụ lục 03: Người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng có bố, mẹ (có nơi nương tựa) được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội Ninh Hòa

Stt	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	Ngày vào Trung tâm	Cơ quan ban hành quyết định tiếp nhận	Thân nhân tại hồ sơ quản lý	Kết quả xác minh thân nhân
1	Nguyễn Nguyên Phụng Cát	13/12/2000	TDP 7, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa	KTN	17/03/2008	Sở LĐTBXH	- Bố Nguyễn Văn Cư, SN 1960, làm thuê - Mẹ Nguyễn Thị Nguyệt, SN 1963, làm thuê	Giấy xác nhận khuyết tật số 56/0120 tháng 7/2013 Của UBND phường Ninh Hiệp cấp: Dạng khuyết tật nghe nói, thân kinh tâm thần, trí tuệ; mức độ khuyết tật nặng
2	Chế Thị Thanh Tâm	04/05/2002	Thôn Phong Thạnh, xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa	KTN	20/10/2010	Sở LĐTBXH	- Bố Chế Đăng Phong, SN 1972, làm nông nghiệp; - Mẹ Đặng Thị Thủy Lan, SN 1980, làm thuê (hộ nghèo)	Giấy xác nhận khuyết tật số 1046 ngày 02/8/2013 Của UBND xã Ninh Lộc cấp: Dạng khuyết tật trí tuệ; mức độ khuyết tật nặng
3	Huỳnh Thị Trúc Lam	20/09/1999	Thôn Phước Lộc, xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	01/07/2010	Sở LĐTBXH	Mẹ Nguyễn Thị Ánh, SN 1961, giáo viên	Mẹ đẻ đang hưởng lương hưu 6.900.000 đồng/tháng; anh trai đang ở cùng mẹ, làm công nhân với mức lương 6.000.000 đồng/tháng
4	Đặng Nguyễn Thanh Trúc	07/08/2008	Tổ dân phố 4, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	01/11/2017	Sở LĐTBXH	Mẹ Đặng Thị Hiếu, SN 1968 (hộ cận nghèo), làm thuê	Không có bố; mẹ làm nghề tự do, thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/tháng
5	Phan Minh Tiến	10/12/2005	Tổ dân phố 1,	KTĐBN	20/05/2015	Sở LĐTBXH	- Mẹ Nguyễn Thị Bích	Bố đẻ bỏ đi không có

					phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa						Thoa, SN 1973, làm thuê thu nhập - Bố Phan Minh Tuấn, SN 1977, đã bỏ đi (ba mẹ ly hôn)	thông tin; mẹ đẻ làm thuê, công việc không ổn định, thu nhập khoảng 2.000.000 đồng/tháng; mẹ đẻ ở cùng ông bà ngoại
6	Nguyễn Thiên Quang	04/11/2006		KTĐBN	Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa		20/05/2011	Sở LĐTBXH			- Bố Nguyễn Quang Thiên, SN 1980, công nhân; - Mẹ Nguyễn Thị Ngọc Trâm, SN 1984, nội trợ	Bố đẻ làm bảo vệ với mức lương 3.500.000 đồng/tháng; mẹ làm thuê, không có công việc ổn định, thu nhập 2.000.000 đồng/tháng; em trai đang đi học
7	Hồ Gia Hưng	23/7/2006		KTĐBN	TDP Phong Phú 1, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa		20/05/2014	Sở LĐTBXH			- Bố Hồ Thiện, SN 1972, lao động tự do - Mẹ Trần Thị Thanh Truyền, SN 1977, nội trợ	Bố làm nghề lao động tự do thu nhập 5.000.000 đồng/tháng; mẹ làm nội trợ; chị gái và em trai đang đi học
8	Nguyễn Hữu Tài	06/11/2010		KTĐBN	Thôn Phước Lý, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa		02/04/2018	Trung tâm			- Bố Nguyễn Hữu Trí, SN 1989, làm thuê; - Mẹ Võ Thị Thu Thủy, SN 1994 đã bỏ đi	Mẹ bỏ đi không có thông tin; bố hiện đi làm thuê, thu nhập không ổn định; hộ cận nghèo
9	Phạm Nhật Hào	9/7/2011		KTĐBN	Thôn Phú Đăng, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa		11/7/2018	Trung tâm			Không có cha, mẹ Phạm Thị Thủy Hoa, SN 1973, làm ruộng	Không có bố; mẹ đẻ làm nghề tự do, thu nhập không ổn định
10	Nguyễn Ngọc Bích Thị	24/09/1994		KTĐBN	Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa		06/06/2008	Sở LĐTBXH			- Bố Nguyễn Hữu Trí, SN 1973, làm thuê; - Mẹ Nguyễn Thị Ánh Nữ, SN 1974, nhân viên công ty gạch ngói	
11	Trần Thị Mỹ	17/04/2002		KTĐBN	Thôn Lạc		20/10/2010	Sở LĐTBXH			Bố Trần Thế Minh, 1970,	

	Hạnh		Bình, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN			làm thuê (hộ nghèo)	
12	Bùi Thị Cẩm Giang	10/09/2005	Thôn 3, xã Ninh Thượng, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	01/12/2013	Sở LĐTBXH	- Mẹ Trần Thị Ngọc Hạnh, SN 1985, buôn bán tạp hóa, - Bố Bùi Thanh Tùng, SN 1981	
13	Lê Thị Thu Hương	20/03/2001	Thôn Bình Sơn, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	15/09/2011	Sở LĐTBXH	- Bố Lê Thế Trường, SN 1958, làm nông nghiệp - Mẹ Phan Thị Năng, SN 1954	
14	Võ Thùy Trang	09/09/2004	Tổ dân phố 7, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	20/05/2015	Sở LĐTBXH	- Mẹ Phan Thị Loan, SN 1981, đang buôn bán; - Bố Võ Đức Minh, SN 1981	
15	Nguyễn Thị Thanh Hương	08/09/2007	Thôn Tân Hưng, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	01/09/2011	Sở LĐTBXH	- Bố Nguyễn Anh Thái, SN 198 - Mẹ Nguyễn Thị Thu Diệu, SN 1988, làm thuê (hộ nghèo)	
16	Nguyễn Quỳnh Anh	06/10/2007	Thôn Tuân Thừa, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	24/10/2014	Sở LĐTBXH	- Mẹ Trần Thị Huệ, SN 1979 - Bố Nguyễn Ngọc Hiệp, SN 1979, buôn bán	
17	Nguyễn Thị Trà My	04/10/2007	Thôn Vĩnh Thạnh, xã Ninh Trung, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	06/08/2015	Sở LĐTBXH	Mẹ Trần Thị Thắm, làm thuê; bố mất (hộ nghèo)	
18	Trần Thanh Huy	31/07/2001	Thôn Tây, xã Ninh Vân, thị	KTĐBN	20/07/2011	Sở LĐTBXH	Mẹ Trần Thị Băng Dương, SN 1961, mẹ đơn thân,	

19	Nguyễn Trọng Đức	02/09/2004	xã Ninh Hòa	KTĐBN	31/08/2012	Sở LĐTBXH	làm thuê, ở nhà trợ - Bố Nguyễn Ngọc Tiến, SN 1970 - Mẹ Võ Thị Hiền, SN 1974, làm nông nghiệp
20	Phạm Tấn Đại	25/01/2003	Thôn Vân Thạch, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	25/01/2013	Sở LĐTBXH	Bố chết, mẹ Tôn Nữ Kim Hiến, SN 1963 (hộ nghèo), có vấn đề thần kinh hay đi lang thang
21	Nguyễn Thăng Cao	28/01/2005	Tổ dân phố 6, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	29/04/2014	Sở LĐTBXH	- Bố Nguyễn Ngọc Thạch, SN 1976, công tác viên của VNPT; - Mẹ Cao Phương Ái đã bỏ đi
22	Dương Chí Tôn	27/11/2006	Thôn Ninh Điền, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	20/08/2011	Sở LĐTBXH	Mẹ Dương Thị Phương, SN 1987, không có công việc ổn định, mẹ đơn thân
23	Trương Huỳnh Xuân Nhân	26/06/2006	Thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	20/08/2011	Sở LĐTBXH	- Mẹ Huỳnh Thị Thái Hòa, SN 1977, giáo viên; - Bố Trương Xuân Nhân, SN 1968, buôn bán
24	Trần Gia Kỳ	21/02/2007	TDP 2 Đông Hải, phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	13/10/2014	Sở LĐTBXH	- Bố Trần Thanh Phong, SN 1984, chạy xe thuê - Mẹ Lê Thị Ánh Nhung, SN 1975, làm nội trợ
25	Nguyễn Thảo Vy	27/3/2005	Tổ dân phố 3, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa	KTĐBN	01/09/2011	Sở LĐTBXH	- Bố Nguyễn Quang Lực, SN 1979, làm nghề cắt tóc; - Mẹ Trần Thị Thu Thủy, SN 1982, nội trợ

26	Lương Trường Quang	23/12/2011	Thôn Nghĩa, xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa	Phú xã	KTĐBN	01/03/2018	Trung tâm	- Bố Lương Huỳnh Minh Quý, SN 1978; - Mẹ Nguyễn Thị Thọ, SN 1981, mua bán đồng nát - Bố Hoàng Quốc Đình, SN 1977, làm công nhân - Mẹ Lâm Ngọc Thu Hà, SN 1982, làm thuê (bố mẹ ly hôn)	
27	Hoàng Lâm Tâm Như	06/06/2008	Thôn Xuân Cam, xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	Xuân Cam, xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	KTĐBN	01/07/2015	Sở LĐTBXH	- Mẹ Nguyễn Thị Thủy, SN 1973, ung thư giai đoạn cuối - Bố Trương Thanh Tùng, SN 1972 đã bỏ đi (hộ nghèo)	
28	Trương Trung Tín	22/09/2004	Thôn Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	Hội Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	KTĐBN	10/12/2012	Sở LĐTBXH	- Bố Vòng Dịch Tân, SN 1989, - Mẹ Võ Thị Thanh Trang, SN 1990, làm thuê	
29	Vòng Thiên Vũ	21/09/2011	Thôn Cang Vạn huyện Ninh	Phú xã 2, Phú, Vạn huyện Vạn Ninh	KTĐBN	11/01/2018	Trung tâm	- Mẹ Trần Thị Minh Sương, SN 1986, làm thuê; - Bố Châu Văn Hữu, SN 1979 đã bỏ đi	
30	Châu Trần Đăng Khoa	15/07/2011	Thôn Cang Vạn huyện Ninh	Phú xã 2, Phú, Vạn huyện Vạn Ninh	KTĐBN	1/7/2019	Trung tâm		

**Phụ lục 04: DANH SÁCH TRẺ EM ĐÃ DỪNG CHĂM SÓC, NUÔI
DƯỠNG CHƯA ĐƯỢC CHI TRẢ TIỀN TIẾT KIỆM**

Stt	Tên trẻ em	Ngày dừng nuôi dưỡng tại Làng SOS	Số tiền tiết kiệm (đồng)
1	Dương Thị Kim Liên	1/11/2010	15.989.000
2	Nguyễn Đức Thịnh	1/4/2013	47.829.685
3	Đoàn Thanh Tùng	16/10/2012	6.002.761
4	Bạch Thị Hoàng Anh	2/8/2014	3.887.391
5	Bạch Thị Hoàng Thu	2/8/2014	3.878.887
6	Đỗ Hồ Bảo Quốc	1/2/2014	15.643.000
7	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	19/4/2017	4.185.000
8	Nguyễn Thanh Danh	1/8/2017	1.663.000
9	Cao Biểu	1/5/2017	3.069.210
10	Mai Đô Anh Kỳ	28/6/2019	9.227.176
	Tổng số		111.375.110

